

ĐIỀU LỆ
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI LIÊN LẠC VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2008
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
TÊN GỌI – TÊN CHỈ – MỤC ĐÍCH – LĨNH VỰC
VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 1. Tên gọi của Hội :

Tên tiếng Việt: HỘI LIÊN LẠC VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tên tiếng Anh: HANOI ASSOCIATION FOR LIAISON WITH OVERSEAS VIETNAMESE
Tên viết tắt: HALOVI

Hội được phép sử dụng biểu tượng riêng của mình trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tên chỉ – Mục đích:

2.1. Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội là tổ chức xã hội tự nguyện của các tổ chức, cá nhân và những người Việt Nam ở nước ngoài quan tâm đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài; Hội chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Ngoại vụ thành phố Hà Nội và các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Hội là thành viên của Mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội. Hoạt động của Hội tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật của nước cộng hòa XHCN Việt Nam.

2.2. Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê chuẩn.

2.3. Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội là cầu nối giữa nhân dân thủ đô và đồng bào trong nước với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào nắm được thông tin về tình hình trong nước, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện để kiều bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng thủ đô và đất nước vì mục tiêu “ Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đồng thời góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của kiều bào khi ở nước ngoài và khi về nước.

2.4. Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội là tổ chức tập hợp và đại diện cho cộng đồng những người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mục đích đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả góp phần vào việc phát triển kinh tế – xã hội của thủ đô Hà Nội và đất nước.

2.5. Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội là đầu mối thúc đẩy và phát triển quan hệ giữa kiều bào với các cơ quan Nhà nước; thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học công nghệ với các tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Điều 3: Tư cách pháp nhân:

Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có tài khoản và được sử dụng con dấu riêng theo quy định của Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi hoạt động:

4.1. Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội hoạt động trên phạm vi Hà Nội có trụ sở tại Hà Nội.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Hội:

Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, bình đẳng giữa các hội viên, tự trang trải về tài chính.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Chức năng của Hội:

6.1. Đại diện để thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của hội viên; tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và thân nhân hội viên là người Việt Nam ở nước ngoài trong các mối quan hệ trong nước và quốc tế theo pháp luật hiện hành;

6.2. Thúc đẩy liên kết giữa các kiều bào, các hội viên, xác tiến và hỗ trợ các hoạt động thương mại, đầu tư, hợp tác, khoa học – công nghệ và các hoạt động kinh doanh khác của các kiều bào ở Việt Nam và nước ngoài.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội:

7.1. Tuyên truyền mục đích của Hội, góp phần thúc đẩy mối quan hệ gắn bó giữa đồng bào trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài nhằm tăng cường đoàn kết, phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của Việt Nam.;

7.2. Tổ chức các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc giữa kiều bào, đồng bào trong nước với các cơ quan Nhà nước để trao đổi thông tin và ý kiến về các vấn đề liên quan đến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và môi trường kinh doanh, giúp đỡ kiều bào liên hệ với gia đình, họ hàng, về thăm thân nhân, kinh doanh, làm ăn hoặc định cư trong nước, liên hệ với người thân ở nước ngoài; vận động và hỗ trợ các trí thức và doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài đóng góp trí tuệ, công nghệ tài chính để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và đất nước;

7.3. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và nhà nước, thông tin tình hình đất nước, thủ đô cho cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài và thông tin tình hình kiều bào cho đồng bào trong nước, góp

phần đáp ứng nhu cầu thông tin văn hoá của kiều bào, vận động các Hội viên thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, nâng cao trách nhiệm xã hội và tham gia các hoạt động xã hội khác phù hợp với mục tiêu của Hội;

7.4. Liên kết với các Hội khác ở Hà nội và ở các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà nội, các tổ chức hữu quan khác ở trong và ngoài nước, giúp đỡ các hội viên tham gia hoạt động trong các tổ chức đó;

7.5. Tập hợp, phản ánh với Đảng, nhà nước, thành phố tâm tư, nguyện vọng của hội viên và kiều bào về tình hình người Việt Nam ở nước ngoài, cùng Mặt trận tổ quốc và các tổ chức có liên quan chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của hội viên;

Điều 8. Quyền hạn của Hội:

8.1. Đại diện cho hội viên trong các mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội;

8.2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên, tham gia bảo vệ quyền lợi của hội viên, cứu thân nhân hội viên là người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở pháp luật Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và pháp luật cũng như phong tục tập quán của nước sở tại, nhằm tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới.;

8.3. Thúc đẩy hợp tác giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và hội viên; hoà giải tranh chấp trong nội bộ Hội;

8.4. Phổ biến kiến thức cho hội viên, cung cấp thông tin cho hội viên theo quy định của pháp luật,

8.5. Tư vấn, phản biện các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Hội theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân;

8.6. Được tiếp nhận và tuyên truyền đến hội viên các văn bản do Nhà nước, Thành phố ban hành phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của Hội;

8.7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực mà Hội hoạt động;

8.8. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan của Thành phố để thực hiện nhiệm vụ của Hội, tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm hoạt động với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài liên quan đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài;

8.9. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để trang trải về kinh phí hoạt động;

8.10. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

8.11. Được sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước theo quy định của Chính phủ và của thành phố Hà Nội;

8.12. Được gia nhập làm hội viên của các tổ chức chính trị – xã hội; các tổ chức xã hội khác trong cả nước và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 9. Tiêu chuẩn Hội viên:

Mọi tổ chức, cá nhân và những người Việt Nam ở nước ngoài quan tâm đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện tham gia, có đơn xin gia nhập và được Ban thường vụ của Hội đồng ý, đều có thể trở thành hội viên của Hội.

Hội có 02 loại hội viên; tiêu chuẩn của các loại hội viên là:

9.1. Hội viên chính thức (gọi tắt là hội viên): Là các tổ chức, cá nhân và những người có quốc tịch Việt Nam ở trong và ngoài nước quan tâm đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài;

9.2. Hội viên danh dự: Là những người Việt Nam ở trong và ngoài nước không có quốc tịch Việt Nam quan tâm đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài.;

Điều 10. Thủ tục gia nhập Hội:

10.1. Các tổ chức, cá nhân có đủ tiêu chuẩn hội viên được quy định tại điều 8 muốn trở thành Hội viên phải có đơn đăng ký làm hội viên Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội (theo mẫu)

10.2. Các tổ chức cá nhân được trở thành hội viên của Hội khi:

- Được công nhận là Hội viên theo quy định tại điều 10.
- Nộp đủ phí gia nhập Hội.

Điều 11. Thủ tục công nhận Hội viên:

11.1. Chủ tịch Hội xét và quyết định công nhận Hội viên chính thức theo đề nghị của Văn phòng hoặc Ban hội viên;

11.2. Ban Thường vụ Hội phê chuẩn Hội viên danh dự theo đề nghị của Chủ tịch Hội.

11.3. Trong trường hợp tổ chức và cá nhân có đơn xin gia nhập nhưng không được công nhận thì có thể khiếu nại lên Ban chấp hành hoặc Đại hội Hội tại kỳ họp gần nhất. Quyết định của Đại hội là quyết định của cuối cùng.

Điều 12. Thôi tư cách Hội viên:

Hội viên đương nhiên không còn tư cách Hội viên nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- 12.1. Bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động

- 12.2. Giải thể hoặc phá sản đối với hội viên là tổ chức;
- 12.3. Chết hoặc bị kết án;
- 12.4. Theo quyết định của Ban thường vụ khi:
- a. Không thực hiện đúng hoặc vi phạm nghiêm trọng những quy định, nghị quyết của Hội.
- b. Hoạt động trái với mục đích của Hội, gây tổn hại đến uy tín hoặc quyền lợi của Hội.
- 12.5. Hội viên tự nguyện và có đơn xin thôi tư cách Hội viên.
- 12.6. Đường sự bị tước tư cách hội viên theo mục 11.4 có quyền khiếu nại lên Ban chấp hành hoặc Đại hội tại kỳ họp gần nhất; Quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Quyền của Hội viên:

- 13.1. Tham dự vào các kỳ Đại hội của Hội.
- 13.2. Tham dự Hội nghị thường niên.
- 13.3. Biểu quyết các chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội ở Đại hội.
- 13.4. - Hội viên chính thức được đề cử hoặc ứng cử vào Ban chấp hành của Hội.
- Hội viên danh dự được ban thường vụ mời đại diện tham gia một số hội nghị của Ban chấp hành và Ban Thường vụ. Được tham gia, xây dựng các nội dung của hội nghị đó nhưng không tham gia biểu quyết.
- 13.5. Được đề đạt ý kiến với Đại hội, Ban thường vụ về hoạt động của Hội và những vấn đề về chính sách, pháp luật kinh tế và môi trường kinh doanh.
- 13.6. Được hưởng sự giúp đỡ, và các dịch vụ của Hội với điều kiện cơ bản, được tạo điều kiện để phát huy năng lực của mình đóng góp cho sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác vận động của người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân kiều bào.
- 13.7. Được nhận những thông tin, ấn phẩm của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội và nhận những văn bản pháp quy do nhà nước và thành phố ban hành do Hội làm đầu mối tiếp nhận và được sử dụng những thông tin, ấn phẩm đó để tuyên truyền, giới thiệu tổ chức Hội ở trong và ngoài nước.
- 13.8. Được tham gia trong các đoàn công tác của Hội nhằm mục đích quảng bá hình ảnh của Hội với các tổ chức quốc tế.
- 13.9. Được hưởng sự ưu đãi và hỗ trợ của Nhà nước cũng như các tổ chức quốc tế thông qua Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội phù hợp với các quy định của Nhà nước và các cam kết quốc tế.
- 13.10. Được đề nghị Hội làm đại diện cho mình trong các quan hệ kinh tế, xã hội để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình trong các mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước và các tổ chức quốc tế.

13.11. Được thôi là hội viên của Hội nếu xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia.

13.12. Được Hội bảo vệ quyền lợi chính đáng trước pháp luật và công luận, được Hội giúp đỡ trong cuộc sống, những lúc khó khăn hoạn nạn theo khả năng của Hội.

13.13. Bình đẳng trong mọi hoạt động của Hội: Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Hội; phê bình, chất vấn cơ quan và cá nhân lãnh đạo Hội.

13.14. Được phát thẻ hội viên.

13.15. Trường hợp hội viên tự nguyện thôi làm hội viên của Hội thì phải hoàn thành các nghĩa vụ đóng hội phí tới thời điểm xin thôi và gửi văn bản thông báo cho Ban thường vụ.

Điều 14. Nghĩa vụ của Hội viên:

14.1. Làm đơn tự nguyện xin gia nhập Hội, tôn trọng và chấp hành Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của hội.

14.2. Đóng phí gia nhập và hội phí theo quy định của Hội;

14.3. Chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội, của Ban chấp hành và Ban thường vụ Hội.

14.4. Tham dự các cuộc họp do Hội triệu tập hoặc mời;

14.5. Cung cấp các thông tin, tài liệu, ý kiến phục vụ việc thực hiện các chức năng của Hội;

14.6. Đoàn kết, hợp tác với các Hội viên khác để cùng thực hiện mục đích của Hội.

Chương IV

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 15. Tổ chức của Hội bao gồm:

15.1. Tổ chức của hội ở cấp Thành phố - gọi tắt là Thành hội.

15.2. Các chi hội ở địa phương, đơn vị hoặc theo nước, theo vùng có người Việt Nam sinh sống.

15.3. Văn phòng, các ban chuyên môn và cơ quan khác trực thuộc Hội.

15.4. Cơ quan cao nhất của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội là Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu của Hội.

15.5. Đại hội bao gồm: Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường.

15.6. Ban chấp hành.

15.7. Ban thường vụ.

15.8. Ban kiểm tra.

15.9. Lãnh đạo của Hội đồng thời là lãnh đạo của Ban chấp hành và Ban thường vụ bao gồm:

- Chủ tịch.

- Các Phó chủ tịch.
- Tổng thư ký.
- Các uỷ viên Ban chấp hành và uỷ viên Ban thường vụ.
- Trưởng các Ban giúp việc của Ban chấp hành và Ban thường vụ.

Điều 16. Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường

16.1. Đại hội nhiệm kỳ của Hội thành phố được tổ chức 5 năm một lần, Đại hội Chi hội hợp 5 năm 2 lần. Trường hợp đặc biệt có thể triệu tập đại hội bất thường. Đại hội bất thường được triệu tập khi chưa kết thúc nhiệm kỳ nhưng có ít nhất 2/3 số uỷ viên Ban chấp hành hoặc quá nửa số hội viên yêu cầu.

16.2. Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường được xem là hợp lệ khi số đại biểu tham dự ít nhất bằng 2/3 số đại biểu được triệu tập.

Điều 17. Nhiệm vụ của Đại hội:

Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường có nhiệm vụ thực hiện các nội dung chính sau đây:

- 17.1. Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động và tài chính của Hội trong nhiệm kỳ trước.
- 17.2. Phê chuẩn phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới.
- 17.3. Bầu Ban chấp hành mới.
- 17.4. Quyết định đổi tên Hội; sửa đổi Điều lệ (nếu có).
- 17.5. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể Hội (nếu có).
- 17.6. Tôn vinh, khen thưởng và kỷ luật các hội viên (nếu có).
- 17.7. Thông qua nghị quyết Đại hội.

Điều 18. Biểu quyết của Đại hội:

Nghị quyết của các kỳ Đại hội Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội được biểu quyết theo đa số đại biểu tham dự kỳ Đại hội. Riêng các vấn đề quan trọng dưới đây thì chỉ thông qua khi có ít nhất 2/3 số đại biểu tham dự tán thành:

- 18.1. Đổi tên Hội.
- 18.2. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể Hội.

Điều 19. Hội nghị thường niên:

19.1. Hội nghị thường niên được tổ chức hàng năm có thể triệu tập toàn thể hoặc đại biểu hội viên.

19.2. Tôn vinh các Hội viên và các tổ chức là thành viên của Hội có thành tích và có đóng góp quan trọng cho hoạt động của Hội.

19.3. Tổng kết các phong trào điển hình, tiên tiến; có nhiều đóng góp cho hoạt động Hội.

19.4. Tổ chức đối thoại, kiến nghị với lãnh đạo các cơ quan ban ngành của thành phố Hà Nội và của Trung ương.

19.5. Tổ chức giao lưu với các tổ chức quốc tế, các tổ chức, hội viên ở các địa phương khác.

19.6. Sửa đổi nội dung điều lệ trên cơ sở kiến nghị của Ban chấp hành (nếu có). Điều lệ được sửa đổi khi có đề nghị sửa đổi của ít nhất 2/3 số Ủy viên Ban chấp hành và phải được trên 2/3 số Hội viên tham dự hội nghị thường niên biểu quyết.

Điều 20. Ban chấp hành:

20.1. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội giữa 2 nhiệm kỳ Đại hội và do Đại hội bầu ra.

20.2. Số lượng ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định; chỉ có hội viên chính thức tham gia vào Ban chấp hành Hội. Việc thay thế, miễn nhiệm, bổ sung ủy viên Ban chấp hành do Ban chấp hành quyết định. Số lượng ủy viên Ban chấp hành bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định.

20.3. Ban chấp hành Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội họp thường lệ 6 tháng một lần và làm việc theo nguyên tắc dân chủ, quyết định theo đa số ủy viên có mặt. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội.

20.4. Nhiệm kỳ của Ban chấp hành Hội là 5 năm (theo nhiệm kỳ Đại hội). Thành viên của Ban chấp hành có thể bị miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Đại hội bất thường hoặc theo nghị quyết của Ban chấp hành.

20.5. Trong trường hợp thành viên Ban chấp hành nghỉ hưu, bị đình chỉ công tác hoặc vì lý do khác không thể tiếp tục nhiệm vụ thì hội viên là tổ chức có thành viên đó được cử người khác thay thế và phải thông báo cho Chủ tịch Ban chấp hành trong vòng 30 ngày sau khi xảy ra tình huống trên. Người được cử thay thế chỉ được công nhận là ủy viên Ban chấp hành với sự chấp thuận của đa số số thành viên Ban chấp hành.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành:

21.1. Tổ chức thực hiện điều lệ và các Nghị quyết của Đại hội và lãnh đạo toàn bộ hoạt động của Hội giữa hai nhiệm kỳ đại hội.

21.2. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch tài chính hàng năm của Hội trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội.

21.3. Quyết định, bầu bổ sung và miễn nhiệm các ủy viên Ban chấp hành. Số lượng ủy viên bổ sung không quá 1/3 số ủy viên do Đại hội bầu ra.

21.4. Bầu chủ tịch Hội và Ban kiểm tra.

- 21.5. Phê chuẩn các chức danh Phó chủ tịch và các uỷ viên Ban thường vụ theo đề nghị của Chủ tịch Hội.
- 21.6. Tôn vinh chủ tịch danh dự của Hội theo đề nghị của Ban thường vụ.
- 21.7. Giám sát công việc của Ban thường vụ và các tổ chức trực thuộc Hội.
- 21.8. Thông qua quy chế hoạt động của Ban chấp hành.
- 21.9. Công nhận hoặc hủy bỏ tư cách hội viên trong trường hợp có khiếu nại của hội viên không đồng ý với quyết định của Ban thường vụ.
- 21.10. Triệu tập Đại hội toàn thể, hoặc Đại hội đại biểu hội viên.
- 21.11. Chuẩn bị và thông qua các văn kiện trình bày trước Đại hội nhiệm kỳ và bất thường của Hội.
- 21.12. Lâm công tác nhân sự, giới thiệu các uỷ viên Ban chấp hành và Chủ tịch Hội cho nhiệm kỳ mới.
- 21.13. Quy định việc khen thưởng, kỷ luật của Hội.
- 21.14. Ban Chấp hành Hội họp 6 tháng một lần, có thể họp bất thường khi có trên 50% số uỷ viên Ban chấp hành đề nghị.
- 21.15. Ban chấp hành Hội quyết định công việc theo đũa số.

Điều 22. Ban Thường vụ:

- 22.1. Ban thường vụ là cơ quan quản lý và điều hành mọi hoạt động của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội giữa 2 kỳ họp của Ban chấp hành.
- 22.2. Số lượng thành viên Ban thường vụ do Ban chấp hành phê chuẩn.
- 22.3. Ban thường vụ bao gồm: Chủ tịch Hội, các Phó chủ tịch Hội, Tổng thư ký Hội và các uỷ viên Ban thường vụ. Các chức danh tham gia Ban thường vụ phải là uỷ viên Ban chấp hành.
- 22.4. Quyết định thành lập, nhập, tách, giải thể các cơ quan trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
- 22.5. Quyết định xin gia nhập các tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.
- 22.6. Quyết định công nhận hội viên danh dự theo đề nghị của Ban thường vụ.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thường vụ:

- 23.1. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban chấp hành. Báo cáo trước Ban chấp hành về việc thực hiện nhiệm vụ công tác của mình.
- 23.2. Chuẩn bị nội dung và báo cáo phục vụ cho các kỳ họp của Ban chấp hành.
- 23.3. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban thường vụ.
- 23.4. Xét duyệt các mức phí Hội được thu, quy định hội phí và lệ phí.

23.5. Thay mặt Hội mỗi người giữ chức vụ Chủ tịch danh dự của Hội và giới thiệu để Ban chấp hành tôn vinh.

23.6. Phê chuẩn các hội viên danh dự của Hội theo đề nghị của Chủ tịch Hội.

23.7. Phê chuẩn chức danh Tổng thư ký theo đề nghị của Chủ tịch Hội.

23.8. Phê duyệt việc chọn biểu tượng của Hội theo quy định của pháp luật.

23.9. Phê chuẩn việc thành lập các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội theo đề nghị của Chủ tịch.

23.10. Phê duyệt các quyết toán tài chính hàng năm của Hội. Thông qua kế hoạch và báo cáo tài chính hàng năm của Hội trình Ban chấp hành phê chuẩn.

23.11. Chỉ đạo và điều hành các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Hội hoạt động nhằm thực hiện các mục đích, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban chấp hành và của các kỳ Đại hội.

Điều 24. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội:

24.1. Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Hội bầu ra. Nhiệm kỳ của Chủ tịch theo nhiệm kỳ của Đại hội.

24.2. Chủ tịch Hội đại diện cho Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội trong các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

24.3. Chủ tịch Hội là người lãnh đạo cao nhất của Ban chấp hành và Ban thường vụ Hội. Là người chủ trì và triệu tập các hội nghị của Ban chấp hành và Ban thường vụ.

24.4. Chủ tịch Hội chịu trách nhiệm giới thiệu và đề nghị với Ban chấp hành chấp thuận việc trình các cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo trong Ban chấp hành.

24.5. Chủ tịch Hội thay mặt Ban chấp hành Hội quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh, Phó Tổng Thư ký, Chánh văn phòng Hội, Trưởng các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội.

24.6. Chủ tịch Hội có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Hội để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội.

24.7. Chủ tịch Hội có quyền phân công và giao một số quyền hạn, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch cho các Phó chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ và Tổng Thư ký thực hiện quyền của Chủ tịch. Người được Chủ tịch phân công và giao quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, trước Hội và trước pháp luật về những công việc mà mình được phân công và giao quyền.

24.8. Phó chủ tịch là người giúp việc Chủ tịch trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Hội, Phó chủ tịch chịu sự lãnh đạo và phân công của Chủ tịch Hội, Phó chủ tịch Thường trực do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch điều hành Hội khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 25. Chủ tịch danh dự:

Chủ tịch danh dự là người có uy tín cao và có ảnh hưởng lớn đến công đồng kiều bào. Chủ tịch danh dự là một trong những vị lãnh đạo của Nhà nước hoặc thành phố Hà Nội tự nguyện đồng ý giữ chức vụ Chủ tịch danh dự và được Ban chấp hành tôn vinh.

Điều 26. Tổng Thư ký:

26.1. Tổng Thư ký là Ủy viên Ban chấp hành, là người giúp Chủ tịch điều phối hoạt động của các cơ quan chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội và được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

26.2. Tổng thư ký do Chủ tịch bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi được Ban thường vụ phê chuẩn.

26.3. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch và Ban Thường vụ chuẩn bị các văn bản, nội dung cho các cuộc họp Ban Thường vụ và Ban chấp hành.

26.4. Tổng Thư ký chịu sự lãnh đạo và phân công của Chủ tịch Hội.

26.5. Trong trường hợp Tổng Thư ký thôi giữ nhiệm vụ giữa nhiệm kỳ thì Chủ tịch Hội có thể bổ nhiệm quyền Tổng Thư ký cho đến khi được Ban thường vụ Hội phê chuẩn.

26.6. Tổng Thư ký là người hoạt động chuyên nghiệp, chuyên trách nên có thể áp dụng hình thức tuyển dụng. Trong trường hợp này, nếu Tổng Thư ký chưa phải là ủy viên Ban chấp hành thì phải được Ban chấp hành đồng ý bầu bổ sung vào làm Ủy viên Ban chấp hành.

Điều 27. Ban kiểm tra:

27.1.1 Ban kiểm tra gồm từ 3 đến 5 thành viên do Đại hội bầu với nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm tra bầu trưởng ban để điều hành công việc của Ban.

27.2. Ban kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra các hoạt động của Hội và hội viên về việc thực hiện điều lệ, thực hiện Nghị quyết của Đại hội, của Ban chấp hành, Ban Thường vụ và làm báo cáo kiểm tra trước Ban chấp hành và trước Đại hội.

**Chương V
TÀI SẢN - TÀI CHÍNH**

Điều 28. Chế độ Tài chính:

Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội có tài sản và ngân sách riêng và hoạt động theo chế độ tự chủ về tài chính.

Điều 29. Tài chính của Hội hình thành từ các nguồn sau:

29.1. Phí gia nhập và hội phí do hội viên đóng góp;

29.2. Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội;

29.3. Các khoản hỗ trợ từ Ngân sách của thành phố và Trung ương đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước và các khoản hỗ trợ khác (nếu có).

29.4. Các hoạt động gây quỹ, tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước.

Điều 30. Sử dụng tài chính của Hội như sau:

30.1. Chỉ cho hoạt động để thực hiện các mục đích, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội.

30.2. Chi tiền lương, các chi phí về cơ sở vật chất và hoạt động của các cơ quan chuyên trách, các tổ chức trực thuộc Hội.

30.3. Đầu tư mở rộng hoạt động trong nước và ngoài nước phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

30.4. Các chi phí khác.

Điều 31. Quản lý Tài chính và tài sản của Hội:

31.1. Chủ tịch Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản và ngân sách của Hội.

31.2. Chủ tịch Hội có quyền phân công, giao quyền cho các Phó chủ tịch Hội, Ủy viên Thường vụ, Tổng Thư ký thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính, tài sản và ngân sách của Hội.

31.3. Những người được Chủ tịch Hội phân công giao quyền về một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính, tài sản và ngân sách của Hội phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, trước Hội và trước pháp luật về những nội dung công việc mà mình được phân công, giao quyền.

**Chương VI
CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ**

Điều 32. Thẩm quyền:

Việc chia tách, sáp nhập, giải thể Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội do Đại hội quyết định và phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Điều 33. Tư giải thể:

33.1. Hội tự giải thể trong các trường hợp sau:

a. Hết thời hạn hoạt động,

b. Theo đề nghị của quá 1/2 tổng số Hội viên chính thức,

c. Mục tiêu đã hoàn thành,

33.2. Ban lãnh đạo Hội có trách nhiệm gửi đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xin đề nghị giải thể Hội và các văn bản khác theo quy định của pháp luật

Điều 34. Bị giải thể:

Hội bị giải thể theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

1. Hội không hoạt động liên tục trong 12 tháng,
2. Khi có Nghị quyết của Đại hội về việc giải thể mà Ban lãnh đạo Hội không chấp hành,
3. Hoạt động của Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 35. Giải quyết tài chính – tài sản:

35.1. Hội tự giải thể, bị giải thể thì tài sản của Hội được giải quyết như sau:

- Tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ, tài sản, tài chính do nhà nước hỗ trợ, mà Hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Đối với nguồn tài sản, tài chính tự có của Hội mà Hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ sau khi Hội giải thể thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do Đại hội quyết định theo quy định của điều lệ Hội.

35.2. Khi Hội được hợp nhất thành Hội mới hoặc sáp nhập vào Hội khác để thành Hội mới thì mọi tài sản, tài chính của Hội, mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Hội được bàn giao cho Hội mới.

**Chương VII
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

Điều 36. Khen thưởng:

36.1. Hội hoạt động có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội thì được khen thưởng theo quy định của nhà nước.

36.2. Hội viên, các cá nhân tham gia hoạt động Hội có nhiều thành tích thì được khen thưởng theo quy định của Hội và của nhà nước.

Điều 37. Kỷ luật:

37.1. Hội viên không tuân thủ điều lệ, không thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành và Ban Thường vụ; gây ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của Hội thì bị xét kỷ luật theo các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo và xóa tên Hội viên.

37.2. Các ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban thường vụ có hoạt động trái với điều lệ và các quy định của Hội; bỏ sinh hoạt thường kỳ nhiều lần không có lý do thì bị xét kỷ luật theo các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo và miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ban chấp hành và Ủy viên Ban Thường vụ.

37.3. Cán bộ nhân viên Hội vi phạm các quy định của Hội và Hợp đồng lao động thì bị xét kỷ luật: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc hoặc truy tố trước pháp luật.

Chương VIII
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 38. Điều lệ này chỉ có Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được UBND thành phố ra quyết định chuẩn y mới có giá trị thi hành.

Điều 39. Điều lệ này gồm 8 chương 39 điều đã được Đại hội nhiệm kỳ 2008-2012 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2008 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND thành phố Hà Nội phê chuẩn./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Thị Thanh Hằng